

Bản án số: 60/2018/HNGĐ-ST  
Ngày: 24/8/2018  
Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HT, TỈNH TN**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phụng.*

*Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Ngọc Trâm.*

*2. Bà Võ Thị Trâm.*

*Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện HT, tỉnh TN.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HT, tỉnh TN tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như – Kiểm sát viên.*

Ngày 24 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HT, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 301/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị **VNT**, sinh năm 1985 – có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Địa chỉ: số 9, ấp TX, xã TH, huyện HT, tỉnh TN.

2. **Bị đơn:** Anh **NTS**, sinh năm 1985 – vắng mặt.

Địa chỉ: số 146/10B, tổ 11, ấp TA, xã TT, huyện HT, tỉnh TN.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Tại đơn khởi kiện ngày 24/4/2018, biên bản lấy lời khai ngày 24/5/2018 và biên bản hòa giải ngày 26/7/2018, nguyên đơn chị VNT trình bày:**

Chị T và anh NTS bắt đầu chung sống từ năm 2008, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 20/02/2009 tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện HT, tỉnh TN. Anh chị sống chung hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do chị T phát hiện anh S có quan hệ tình cảm và thuê nhà trọ sống chung với người phụ nữ khác. Chị T và ba chồng của chị T có đến nhà trọ nói chuyện với anh S xem anh S chọn chị T hay chọn người phụ nữ kia thì anh S trả lời là chọn người phụ nữ kia nên chị T dẫn 02 con về nhà ba mẹ ruột sống. Từ đó đến nay, vợ chồng không gặp nhau và anh S cũng không đến thăm con lần nào. Nay tình cảm không còn, chị T yêu cầu được ly hôn với anh S.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung gồm cháu NTNT, sinh ngày 14/5/2010 và cháu NHT, sinh ngày 10/3/2014, hiện 02 con chung đang sống với chị T, nếu ly hôn chị T yêu cầu được nuôi hai con chung và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh NTS đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để làm việc, dự phiên họp, hoà giải và dự phiên tòa.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HT, tỉnh TN phát biểu ý kiến:*

*Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định pháp luật.

*Về nội dung vụ án:* Có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị VNT đối với anh NTS. Giao cháu NTNT, sinh ngày 14/5/2010 và cháu NHT cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung: Không có.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**\* Về thủ tục tố tụng:**

Nguyên đơn chị VNT có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn anh NTS đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị T, anh S là phù hợp quy định tại Điều 227; Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

**\* Về nội dung vụ án:**

**[1]. Về hôn nhân:**

Xét về quan hệ hôn nhân của chị VNT và anh NTS thấy rằng: Anh chị bắt đầu chung sống từ năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện HT nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật tôn trọng và bảo vệ.

Chị T trình bày: Anh chị chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do chị T phát hiện anh S có quan hệ tình cảm và thuê nhà trọ sống chung với người phụ nữ khác, chị T lại nhà trọ gặp anh S nói chuyện xem anh S chọn chị T hay người phụ nữ kia thì anh S chọn người phụ nữ kia nên chị T dẫn hai con về nhà ba mẹ ruột của chị T sống. Từ đó, vợ chồng không gặp nhau và anh S cũng không về thăm con lần nào. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị T yêu cầu được ly hôn với anh S.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh S nhiều lần để làm việc, hòa giải và tham dự phiên họp, phiên tòa nhưng anh S không đến Tòa án. Tại biên bản ngày 02/5/2018, Tòa án có gặp ông Nguyễn Văn Phước là ba ruột của anh S, có sự chứng kiến của anh Hồ Văn Mạnh là trưởng ấp TA, ông Phước xác định anh S có đăng ký hộ khẩu thường trú và đang sống chung với ông tại địa chỉ số 146/10B, tổ 11, ấp TA, xã TT, huyện HT. Anh S và chị T về chung sống với gia đình ông từ năm 2009 nhưng khoảng hơn 02 năm nay anh S không chung thủy, anh S có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên chị T về nhà ba mẹ ruột sống, từ đó anh S và chị T không còn sống chung cho đến nay. Nội dung biên bản phù hợp với lời trình bày của chị T. Có căn cứ khẳng định chị T và anh S không còn sống chung một thời gian dài, anh S đã không còn tôn trọng và quan tâm đến quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh S, tình trạng hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh S là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

**[2]. Về con chung:** Anh chị có 02 con chung tên NTNT, sinh ngày 14/5/2010 và NHT, sinh ngày 10/3/2014, hiện hai con chung đang sống với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ

cuối năm 2016 vợ chồng không sống chung thì cháu Th và cháu Tu sống chung với chị T, cháu Th có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị T và cháu Tu chưa đầy 05 tuổi nên Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu Th và cháu Tu cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

**[3]. Về tài sản chung:** Chị T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**[4]. Về nợ chung:** Chị T trình bày không có.

**[5]. Về án phí:** Chị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 56; Điều 81; Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị VNT đối với anh NTS.

Chị VNT được ly hôn với anh NTS.

2. Về con chung:

Chị VNT được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu NTNT, sinh ngày 14/5/2010 và cháu NHT, sinh ngày 10/3/2014.

Ghi nhận chị T không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh S không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị T trình bày không có.

5. Về án phí:

Chị VNT phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T<sup>2</sup> đã nộp theo biên lai thu số 0019806 ngày

24/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HT, tỉnh TN. Ghi nhận chị T đã nộp xong tiền án phí.

Chị VNT và anh NTS vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện HT;
- Chi cục THADS huyện HT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Kim Phụng**